

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/DS-PT
Ngày: 09 - 01 - 2024
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Nhữn

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Bích Tuyền

Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ôn Tú Trân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà
Đặng Thị Cẩm Chi- Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An
mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 458/2023/TLPT-
DS ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2023/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của
Tòa án nhân dân thị xã K bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 761/2023/QĐ-PT ngày
22 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Hùng M, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp A, xã T, thị xã
K, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông M: Ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm
1958; địa chỉ: D H, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An. (Văn bản ủy quyền công
chứng số 1068 ngày 04/3/2021 tại Văn phòng C1, thành phố T, tỉnh Long An)

2. Các bị đơn:

2.1. Ông Bùi Văn L1, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp G, xã T, thị xã K, tỉnh Long
An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L1: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm
1996; địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang. (Theo Văn bản ủy quyền công
chứng số 1081 ngày 02/7/2022, tại Văn phòng C2, thành phố T, tỉnh Long An)

2.2. Bà Lê Thị B, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp G, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

2.3. Ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1977;

2.4. Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1981. ;

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông Đ và bà H: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1963; địa chỉ: Đường T Khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

Người kháng cáo: bị đơn ông Bùi Văn L1, ông Bùi Văn Đ, bà Nguyễn Thị Ngọc H.

(Ông L, ông T, ông Đ, bà H và ông T1 có mặt, bà B vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Lê Hùng M do người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Hoàng L trình bày:

Vào năm 2020, ông Bùi Văn L1, ông Bùi Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc H có vay tiền của ông Lê Hùng M 03 lần, cụ thể như sau:

Lần 1, vào ngày 13/8/2020 vay số tiền 350.000.000 đồng; mục đích vay để đóng thuế chuyển quyền sử dụng đất;

Lần 2, vào ngày 27/9/2020 vay 150.000.000 đồng, mục đích vay để mua vật tư xây nhà và mua phân thuốc;

Lần 3, vào ngày 25/11/2020 vay 140.000.000 đồng, mục đích vay để đáo nợ ngân hàng.

Các lần vay đều thỏa thuận lãi suất là 3.000 đồng/01 ngày/1.000.000 đồng và thời gian trả là ngày 03/01/2021.

Đến ngày 03/12/2020, ông M, ông Đ, ông L1, bà H làm biên nhận chốt nợ, nhưng từ ngày lập biên nhận chốt nợ đến khi ông M khởi kiện ra Tòa án thì ông Đ, ông L1, bà H chưa trả nợ gốc và nợ lãi cho ông M theo thỏa thuận.

Ông M yêu cầu ông Đ, bà H, ông L1, bà B (vợ ông L1) liên đới trả tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày khởi kiện như sau:

- Số tiền 350.000.000 đồng x 1% x 06 tháng 13 ngày là 21.516.000 đồng;
- Số tiền 150.000.000 đồng x 1% x 05 tháng là 7.500.000 đồng;
- Số tiền 140.000.000 đồng x 1% x 03 tháng là 4.200.000 đồng.

Tổng cộng là 673.216.000 đồng gồm tiền gốc là 640.000.000 đồng và tiền lãi là 33.216.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Bị đơn ông Bùi Văn L1 do người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Hữu T trong quá trình giải quyết vụ án trình bày như sau: Ông Lê Hùng M là người đại diện theo ủy quyền cho ông Bùi Văn L1 trong vụ kiện tranh chấp số tiền 9,5 tỷ đồng với bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Bùi Văn Đ.

Vào ngày 03/12/2020 tại Quán C3 ở thị xã K, có mặt ông Bùi Văn L1, bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Bùi Văn Đ, ông Lê Hùng M, bà Tô Thị Diễm T2. Ông M đưa Biên nhận ngày 03/12/2020 được viết trước để ông L1 ký tên vào. Do cùng

ngày, ông M và ông L1 sẽ đến Văn phòng Công chứng Bùi Thị Đ1 ký giấy ủy quyền đại diện tham gia tố tụng; lợi dụng việc ký giấy ủy quyền ông M yêu cầu ông L1 ký vào giấy Biên nhận ngày 03/12/2020 chứ ông L1 không biết nội dung biên nhận.

Vào ngày 24/12/2020, tại Quán C3, thị xã K, có mặt ông L1, bà H, ông M, bà T2. Ông M viết Biên nhận tiền ghi ngày 24/12/2020 với nội dung: Ông Bùi Văn L1 và bà Nguyễn Thị Ngọc H có vay của ông Nguyễn Văn T3 số tiền 146.000.000 đồng rồi đưa ông L1, bà H ký tên vào, nhưng tại thời điểm ký Biên nhận ngày 24/12/2020 thì ông T3 không có mặt, không có ký tên vào biên nhận, không giao tiền. Ông L1, H cũng không nhận số tiền 146.000.000 đồng của ông T3.

Biên nhận ngày 24/12/2020 không thể hiện ông L1, bà H nhận tiền; là biên nhận không, do ông Lê Hùng M lập; ông M lập biên nhận này khi ông M là người đại diện theo ủy quyền cho ông L1 trong vụ kiện tranh chấp đòi tài sản với ông Đ, bà H được Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường thụ lý, giải quyết nhưng chưa đưa ra xét xử. Ông M yêu cầu ông L1 đưa số tiền 146.000.000 đồng để ông M làm chi phí khiếu nại tại Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường để sớm đưa ra vụ án xét xử, ông L1 không có tiền nên ông M yêu cầu ông L1 ký vào biên nhận vay tiền khi nào thì hành án đòi nợ được sẽ trừ lại. Thực chất, ông M không có đưa tiền cho ông L1; ông T3 cũng không có đưa tiền cho ông L1 và ông M cũng không có khiếu nại đến Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường như ông M đã hứa hẹn.

Bị đơn bà Lê Thị B trình bày: Bà B thống nhất với lời trình bày của ông Bùi Văn L1 và không có yêu cầu gì trong vụ án.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Bùi Văn Đ với ông Lê Hùng M có thỏa thuận thực hiện dịch vụ pháp lý. Ông M đại diện theo ủy quyền cho bà H, ông Đ tham gia tố tụng trong vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Phan Ngọc P, ông Lê Thanh Đ2 về số tiền vay 26 tỷ đồng.

Do đó, ngày 22/9/2020, tại Quán cà phê C, bà H, ông Nguyễn Văn T3, ông Lê Hùng M, bà Tô Thị Diễm T2 thỏa thuận: bà H ký biên nhận vay số tiền 250.000.000 đồng của ông T3. Thực tế, ông T3 không có giao tiền cho bà H mà ông M, bà T2 nhận số tiền 250.000.000 đồng để làm chi phí hủy Bản án số 43/2020/DS-ST ngày 14/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã K giữa bà Võ Thị Mỹ H1 và bà Phan Ngọc P. Bản án số 43/2020/DS-ST của Tòa án nhân dân thị xã K xác định bà Võ Thị Mỹ H1 được ưu tiên thanh toán khoản nợ vay đối với tài sản của bà P, ông Đ2 dù Bản án xác định bà Nguyễn Thị Ngọc H được thi hành án số tiền 26 tỷ đồng mà bà Phan Ngọc P vay được xử trước. Lợi dụng tình thế đó, ông M đã yêu cầu bà H chi trả cho chi phí hủy bản án nêu trên nhưng bà H không có tiền nên ông M, bà T2 đã yêu cầu bà H ký vào biên nhận nợ của ông T3. Thực tế bà H không nhận số tiền 250.000.000 đồng từ ông T3.

Vào ngày 01/10/2020, bà H có trả cho ông T3 250.000.000 đồng tại quán C4, thành phố T là khoản tiền trả nợ mà bà H ký để ông M nhận vào ngày 22/9/2020. Do bản chính Giấy biên nhận do ông M giữ nên ngày 01/10/2020, bà H trả tiền cho ông T3 nhưng ông T3 không đưa lại bản chính Giấy nhận nợ. Bà T2 cùng với bà H đi trả tiền cho ông T3. Bà T2 hẹn lấy giấy nợ từ ông M để giao trả lại cho bà H nhưng không trả rồi ông T3 lấy giấy này đi khởi kiện vợ chồng bà.

Vào ngày 03/12/2020, cũng tại Quán cà phê C, có mặt bà H, ông Bùi Văn L1, ông Bùi Văn Đ, ông Lê Hùng M, bà Tô Thị Diễm T2. Ông M đã chuẩn bị trước biên nhận tiền ghi ngày 03/12/2020 để bà H ký và đây cũng là ngày ông M hẹn bà H, ông Đ, ông L1 ký giấy ủy quyền cho ông Trần D để thực hiện công việc ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 03/12/2020 được công chứng tại Văn phòng C5.

Về Biên nhận đề ngày 13/8/2020 có số tiền 350.000.000 đồng: Số tiền 350.000.000 đồng là khoản tiền ông M thỏa thuận dùng để đốc thúc Cơ quan thi hành án sớm đưa ra thi hành Quyết định số 52/2020/DS-ST ngày 12/8/2020. Số tiền này, ông M với bà T2 nói ứng trước; khi bà H được thi hành án xong, lấy được tiền sẽ trừ lại nhưng ông M với bà T2 tính lãi từ ngày 13/8/2020 đến ngày 27/9/2020 là 150 triệu đồng (tiền lãi 10.000 đồng/triệu/ngày của số tiền 350.000.000 đồng); tiếp đến ngày 25/11/2020 tiền lãi là 140.000.000 đồng (tiền lãi 7.000 đồng/triệu/ngày của số tiền 350.000.000 đồng).

Bà H không có nhận bất cứ khoản tiền nào theo biên nhận nợ. Lý do bà H và ông Đ ký vào biên nhận vào ngày 03/12/2020 để ông M xúc tiến thi hành án lấy lại tài sản của bà P, ông Đ2 giao cho bà H; ông D thực hiện một công việc theo giấy ủy quyền ngày 03/12/2020 được ký tại Văn phòng C5 về tranh chấp hợp đồng vay giữa vợ chồng bà H với bà Nguyễn Thị C chứ đó không phải là khoản tiền vay. Cho đến nay, ông M, ông D không tiếp tục thực hiện việc ủy quyền như đã thỏa thuận với vợ chồng ông, bà và cũng chưa thi hành án lấy tiền của bà P, ông Đ2. Do đó bà H đòi lại các giấy tờ biên nhận và ông M hứa ngày 16/01/2021 sẽ trả lại giấy nợ nhưng ông M chỉ trả giấy nợ bản photo. Nay ông M kiện đòi nợ vay là không đúng.

Vào ngày 24/12/2020 tại Quán cà phê C, thị xã K, bà H, ông Bùi Văn L1, ông Lê Hùng M, bà T2. Ông M viết biên nhận tiền với nội dung là bà H có vay của ông Nguyễn Văn T3 số tiền 146.000.000 đồng rồi đưa bà H ký, nhưng khi ký Biên nhận ngày 24/12/2020 thì ông T3 không có mặt, không ký tên vào biên nhận, không giao tiền; bà H và ông L1 cũng không nhận tiền. Số tiền 146.000.000 đồng ông M nói dùng để làm chi phí cho vụ kiện 9,5 tỷ đồng của ông L1 kiện ông Đ, bà H vì Tòa án thụ lý nhưng không đưa ra giải quyết. Lợi dụng sự việc trên ông M nói nếu không kịp thời có quyết định của Tòa án thì bà Nguyễn Thị C có được bản án trước sẽ yêu cầu thi hành án hết tiền của bà H; bà H nghe sợ nên ông M yêu cầu ký vào Biên nhận tiền ngày 24/12/2020 vì thiếu hiểu biết, lo sợ nên bà H đã ký vào biên nhận chứ hoàn toàn không có nhận 146.000.000 đồng theo nội dung biên nhận từ người cho vay là ông T3.

Bị đơn ông Bùi Văn Đ trình bày: Ông Đ thống nhất với ý kiến trình bày của bà H và không có yêu cầu gì trong vụ án.

Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường đã tiến hành thụ lý vụ án và hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2023/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã K đã căn cứ các khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 và các Điều 147, Điều 228, Điều 229, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 288, Điều 357, Điều 463, Điều 468 của Bộ luật D1 sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hùng M đối với bà Lê Thị B về yêu cầu liên đới trả nợ vay theo Biên nhận ngày 03/12/2020.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hùng M đối với ông Bùi Văn L1, ông Bùi Văn Đ, bà Nguyễn Thị Ngọc H về việc yêu cầu liên đới trả nợ vay theo Biên nhận ngày 03/12/2020.

Buộc ông Bùi Văn L1, ông Bùi Văn Đ, bà Nguyễn Thị Ngọc H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Hùng M số tiền gốc là 640.000.000 đồng và tiền lãi là 169.098.667 đồng; tổng cộng nợ gốc và lãi là 809.098.667 đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, người có nghĩa vụ trả tiền nếu chậm trả thì phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí sơ thẩm:

Buộc ông Bùi Văn L1, ông Bùi Văn Đ, bà Nguyễn Thị Ngọc H phải liên đới nộp tiền án phí sơ thẩm là 36.272.960 đồng.

Hoàn trả lại cho ông Lê Hùng M số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 25.464.000 đồng theo Biên lai thu số 0009582 ngày 03/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K, tỉnh Long An.

4. Về biện pháp khẩn cấp tạm thời: Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2021/QĐ-ADBP KCCT ngày 17/3/2021 của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản là quyền sử dụng đất của người có nghĩa vụ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Đ, ông L1 và bà H đều kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Lê Hùng M không rút yêu cầu khởi kiện, bị đơn bị đơn ông Bùi Văn L1, ông Bùi Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc H không rút đơn kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết các vấn đề có tranh chấp trong vụ án.

Trong phần tranh luận:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Bùi Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc H là ông Nguyễn Văn T1 trình bày: Biên nhận tiền ngày 03/12/2020 thể hiện là 3 khoản vay ngày 13/8/2020, 27/9/2020 và 25/11/2020 nhưng thực chất không có các biên nhận vay từng lần, biên nhận là thỏa thuận thực hiện dịch vụ pháp lý và xúc tiến việc thực hiện dịch vụ pháp lý theo thỏa thuận giữa ông M và bà H. Ông M nói rằng bà H phải chi thêm tiền để thực hiện công việc, bà H không có tiền nên ông M phải đứng ra vay của người khác lại. Biên nhận là văn bản xác nhận nợ của bà H đối với số tiền ông M đã ứng ra. Số tiền vay ngày 27/9/2020 và 25/11/2020 là tiền lãi của khoản vay 350.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà H và ông Đ chỉ đồng ý trả cho ông M số tiền 350.000.000 đồng.

Thực tế là, Biên nhận xác nhận nợ bà H ký nhưng công việc đã thỏa thuận thì ông M không hoàn thành. Đoạn ghi âm bà H đã được nộp tại cấp sơ thẩm thì ông M cũng thừa nhận giấy ký không. Tuy nhiên ông M chỉ gửi lại bản phô tô biên nhận nợ tại quán C3 mà không trả lại bản chính cho bà H. Bà H yêu cầu thanh lý hợp đồng dịch vụ pháp lý đã có văn bản thông báo. Hợp đồng dịch vụ các bên giá trị là 150.000.000 đồng / 3 vụ nhưng ông M chưa thực hiện được vụ việc nào.

Bà H và ông Đ thống nhất với lời trình bày của ông T1.

Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn ông Bùi Văn L1 là ông Nguyễn Hữu T trình bày: Ông L1 kháng cáo không đồng ý liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ với bà H, ông Đ và yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời 02/2021/QĐ-ADBPCTT ngày 17/3/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường là phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ. Thấy rằng các quyền sử dụng đất bị áp dụng biện pháp phong tỏa tài sản có giá trị cao hơn giá trị nghĩa vụ ông L1 thực hiện, đồng thời, phía nguyên đơn đã rút lại yêu cầu đối với bà B nhưng vẫn áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông L1 – bà B là ảnh hưởng quyền lợi của bà B.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Hùng M là ông Nguyễn Hoàng L trình bày: các hợp đồng dịch vụ giữa ông M và bà H đã thanh toán và giải quyết hoàn tất, không liên quan đến khoản vay ông M đang tranh chấp. Tranh chấp đang được thụ lý giải quyết là hợp đồng vay tài sản giữa các bên, thể hiện tại biên nhận chốt nợ ngày 03/12/2020. Về nội dung các khoản lãi do phía bị đơn trình bày, ông M xác định cả ba lần đều là tiền vay. Nay bà H chỉ đồng ý trả lại cho ông M 350.000.000 đồng ông M không đồng ý và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An nêu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Vụ án từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Ông Bùi Văn L1, ông Bùi Văn Đ, bà Nguyễn Thị Ngọc H kháng cáo không đồng ý trả ông Lê Hùng M 640.000.000đ tiền vốn vay và tiền lãi phát sinh. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Đ, bà H đồng ý trả cho ông M 350.000.000đ theo biên nhận ngày 13/8/2020.

Xét thấy: Các đương sự thừa nhận Biên nhận ghi ngày 03/12/2020 do ông Lê Hùng M viết; bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Bùi Văn L1, ông Bùi Văn Đ và ông Lê Hùng M ký tên và ghi rõ họ và tên vào mặt sau của tờ biên nhận.

Theo nội dung của Biên nhận ngày 03/12/2020 thể hiện ông Bùi Văn Đ, ông Bùi Văn L1, bà Nguyễn Thị Ngọc H có vay của ông Lê Hùng M 03 lần tiền: Vào ngày 13/8/2020 vay 350.000.000đ; ngày 27/9/2020 vay 150.000.000đ và ngày 25/11/2020 vay 140.000.000đ; không ghi mục đích vay tiền; thời hạn trả gốc và lãi là ngày 03/01/2021, nhưng không ghi lãi suất và người làm chứng là bà Tô Thị Diễm T2 thừa nhận có chứng kiến sự việc giao dịch tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn.

Ông L1, ông Đ, bà H cho rằng ông M yêu cầu ông L1, ông Đ, bà H ký nhận nợ số tiền 350.000.000đ ngày 13/8/2020 để ông M ứng ra số tiền này dùng để chi đôn đốc Cơ quan thi hành án thị xã K sớm đưa ra thi hành Bản án số 52/2020/DS-ST có lợi cho ông Đ, bà H; còn số tiền 150.000.000đ ngày 27/9/2020 và số tiền 140.000.000đ ngày 25/11/2020 là tiền tính lãi của số tiền gốc 350.000.000đ. Ông M không thừa nhận lời trình bày của các bị đơn và các bị đơn đều không có chứng cứ chứng minh cho ý kiến của mình là có căn cứ. Như vậy có căn cứ xác định ông L1, ông Đ, bà H vay của ông M 3 lần tổng cộng là 640.000.000đ.

Về yêu cầu trả lãi: Theo Biên nhận ngày 03/12/2020 thì các bên không có thỏa thuận lãi suất, nhưng có thỏa thuận trả lãi 03 khoản tiền vay tổng cộng là 640.000.000đ vào ngày 03/01/2021, nên ông L1, ông Đ, bà H phải có nghĩa vụ trả lại tiền gốc là 640.000.000đ và khoản tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất (0,83%/tháng) được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tính từ ngày 04/01/2021 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là ngày 29/8/2023 (tổng cộng là 02 năm 07 tháng 25 ngày) là 169.098.667đ; tổng cộng nợ gốc và lãi là 809.098.667đ.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Bùi Văn L1, ông Bùi Văn Đ, bà Nguyễn Thị Ngọc H. Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông Bùi Văn L1, ông Bùi Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc H kháng cáo hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Kháng cáo của các bị đơn đối với bản án dân sự sơ thẩm số 55/2023/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã K. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lê Thị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà B.

[4] Bị đơn ông Bùi Văn L1, ông Bùi Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc H kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hùng M.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy:

[5.1] Các đương sự thống nhất thừa nhận Biên nhận ghi ngày 03/12/2020 do ông Lê Hùng M viết; bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Bùi Văn L1, ông Bùi Văn Đ và ông Lê Hùng M ký tên và ghi rõ họ và tên vào mặt sau của tờ biên nhận.

[5.2] Theo nội dung của Biên nhận ngày 03/12/2020 cho thấy ông Bùi Văn Đ, ông Bùi Văn L1, bà Nguyễn Thị Ngọc H có vay tiền của ông Lê Hùng M 03 lần: Vào ngày 13/8/2020 vay 350.000.000 đồng; ngày 27/9/2020 vay 150.000.000 đồng và ngày 25/11/2020 vay 140.000.000 đồng; không ghi mục đích vay tiền; thời hạn trả gốc và lãi là ngày 03/01/2021, nhưng không ghi lãi suất.

Người làm chứng là bà Tô Thị Diễm T2 thừa nhận có chứng kiến sự việc giao dịch tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn. Các bị đơn ông L1, ông Đ, bà H cho rằng mục đích việc ký nhận nợ số tiền 350.000.000 đồng vào ngày 13/8/2020 để ông M ứng tiền để đôn đốc thi hành án. Số tiền 150.000.000 đồng ngày 27/9/2020 và số tiền 140.000.000 đồng ngày 25/11/2020 là tiền lãi của số tiền gốc 350.000.000 đồng.

Ông M không thừa nhận lời trình bày của các bị đơn và các bị đơn đều không có chứng cứ chứng minh cho ý kiến của mình là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông M cũng không thừa nhận lời trình bày của phía bị đơn và cũng không cung cấp thêm chứng cứ gì mới.

[5.3] Về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: tại cấp sơ thẩm, phía bị đơn đã khiếu nại việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và đã được giải quyết bằng quyết định giải quyết khiếu nại nhưng không được chấp nhận, tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự tiếp tục yêu cầu xem xét là không có căn cứ.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Bùi Văn L1, ông Bùi Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc H. Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn ông Bùi Văn L1, ông Bùi Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Bùi Văn L1, ông Bùi Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc H

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2023/DS-ST ngày 29/8/2023 của Tòa án nhân dân thị xã K .

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 và các Điều 147, Điều 228, Điều 229, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 288, Điều 357, Điều 463, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hùng M đối với bà Lê Thị B về yêu cầu liên đới trả nợ vay theo Biên nhận ngày 03/12/2020.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hùng M đối với ông Bùi Văn L1, ông Bùi Văn Đ, bà Nguyễn Thị Ngọc H về việc yêu cầu liên đới trả nợ vay theo Biên nhận ngày 03/12/2020.

Buộc ông Bùi Văn L1, ông Bùi Văn Đ, bà Nguyễn Thị Ngọc H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Hùng M số tiền gốc là 640.000.000 đồng và tiền lãi là 169.098.667 đồng; tổng cộng nợ gốc và lãi là 809.098.667 đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, người có nghĩa vụ trả tiền nếu chậm trả thì phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về biện pháp khẩn cấp tạm thời: Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2021/QĐ-ADBP KCCT ngày 17/3/2021 của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản là quyền sử dụng đất của người có nghĩa vụ.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc ông Bùi Văn L1, ông Bùi Văn Đ, bà Nguyễn Thị Ngọc H phải liên đới nộp tiền án phí sơ thẩm là 36.272.960 đồng.

Hoàn lại cho ông Lê Hùng M số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 25.464.000 đồng theo Biên lai thu số 0009582 ngày 03/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K, tỉnh Long An.

5. Về án phí phúc thẩm:

Bị đơn ông Bùi Văn L1 phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000218 ngày 22/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường.

Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000216 ngày 22/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường.

Ông Bùi Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000217 ngày 22/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Long An
- TAND thị xã Kiến Tường;
- VKSND thị xã Kiến Tường;
- CCTHADS thị xã Kiến Tường;
- Các đương sự
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Nhữn